

## BẢN TIN DỰ BÁO TUẦN

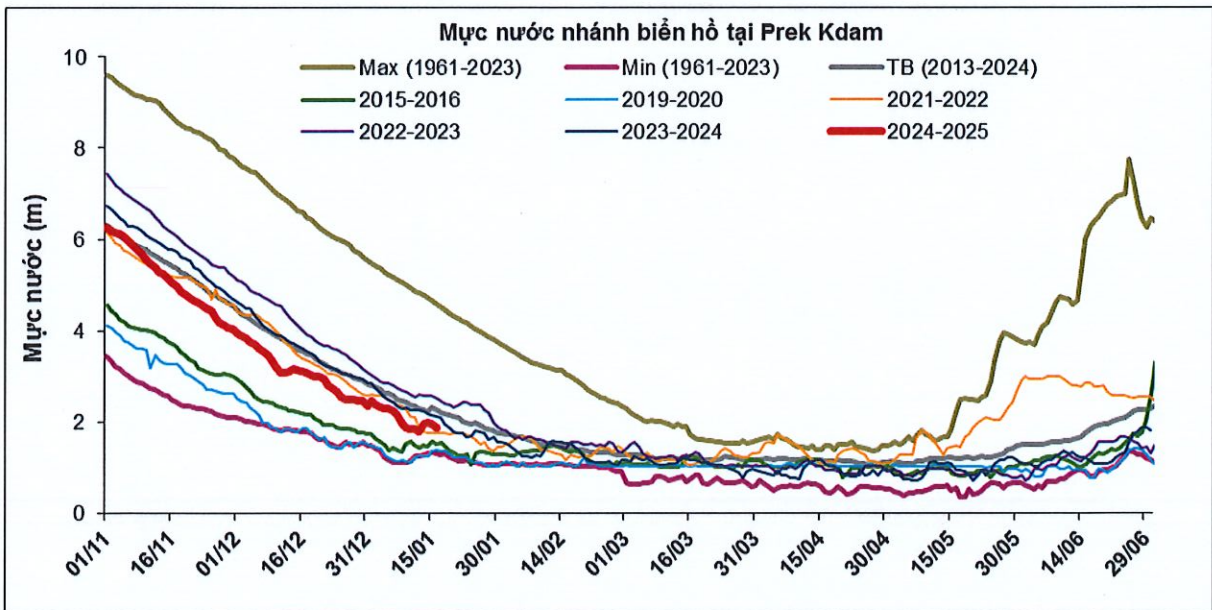
### **DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO SẢN XUẤT VÀ ĐIỀU HÀNH CẤP NƯỚC MÙA KIẾT NĂM 2024-2025 (Tuần từ 17/01/2025 – 23/01/2025)**

#### **1. DIỄN BIẾN NGUỒN NƯỚC SÔNG MÊ CÔNG**

Hai yếu tố thượng lưu quan trọng đến diễn biến nguồn nước, xâm nhập mặn ở ĐBSCL là lượng trữ trong Biển Hồ (Tonle Sap) và dòng chảy đến Kratie được cập nhật dưới đây.

##### **1.1. Chế độ nước trong Biển Hồ (Tonle Sap)**

Mức nước nhánh vào hồ Tonle Sap tại Prek Kdam (Hình 1), ngày 16/01 ở cao trình 1,88 m.



Hình 1. Diễn biến mực nước trạm Prek Kdam - Biển hồ, cập nhật ngày 16/01/2025

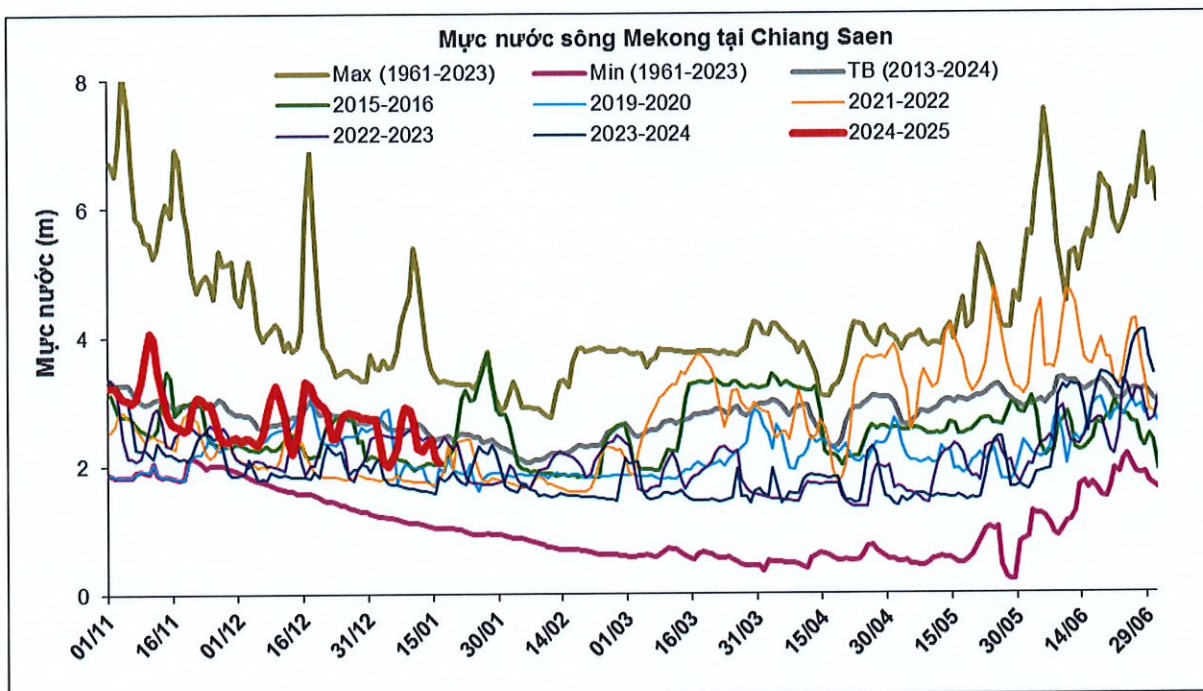
##### **1.2. Dòng chảy trên dòng chính sông Mê Công**

Bảng 1: Mực nước\* hiện tại các trạm chính và dung tích hồ Tonle Sap

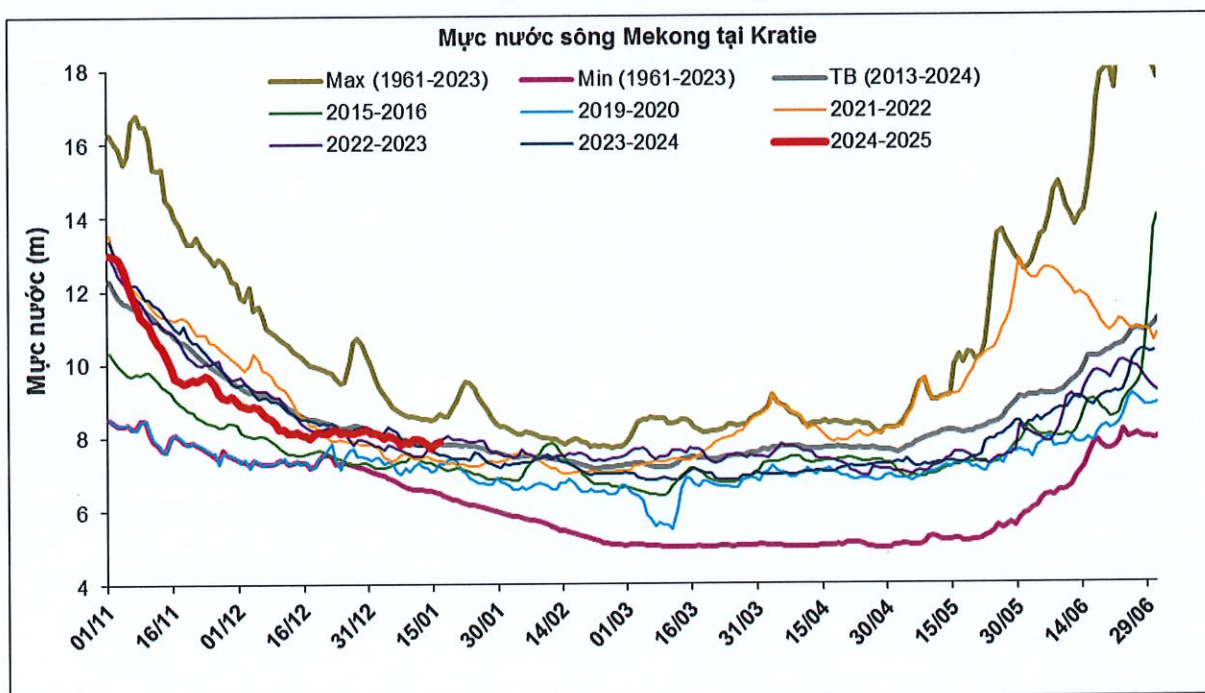
Trạm	Đơn vị	Giá trị ngày 16/01/2025	Khác biệt mực nước (m) và dung tích hồ (tỷ m <sup>3</sup> ) so với một số năm cùng thời điểm					
			TB (2013-2024)	2023-2024	2022-2023	2021-2022	2019-2020	2015-2016
Chiang Saen*	m	2,04	-0,38	+0,22	-0,27	+0,28	+0,08	+0,01
Kratie*	m	7,87	+0,04	+0,33	-0,09	+0,51	+0,56	+0,66
Prekdam*	m	1,88	-0,39	-0,23	-0,64	+0,13	+0,50	+0,36
Dung tích hồ	Tỷ m <sup>3</sup>	8,25	-0,08	-1,51	-4,76	-0,32	+4,99	+4,53

Ghi chú: \*: cao độ mực nước các trạm thượng lưu theo số liệu của MRC là cao độ tương đối; (-) là thấp hơn;

Hình 2 và Hình 3 cập nhật diễn biến mực nước đến ngày 16/01/2025 tại trạm Chiang Saen và trạm Kratie trên dòng chính sông Mê Công về đồng bằng:



Hình 2. Diễn biến mực nước tại Chiang Saen –Thái Lan



Hình 3. Diễn biến mực nước về qua trạm Kratie

Bảng 2: Mực nước lớn nhất hiện tại một số trạm trên đồng bằng

Trạm	Ngày 16/01/2025	Mực nước (m) so với một số năm cùng thời điểm (-) là thấp hơn					
		TB (2013-2024)	2023-24	2022-23	2021-22	2019-20	2015-16
Tân Châu	1,71	+0,26	+0,13	+0,32	+0,41	+0,47	+0,40
Châu Đốc	1,90	+0,32	+0,11	+0,40	+0,44	+0,48	+0,49
Mỹ Thuận	1,69	+0,40	+0,12	+0,41	+0,45	+0,48	+0,68
Cần Thơ	1,71	+0,32	+0,03	+0,45	+0,41	+0,46	+0,48

Dòng chảy về châu thổ sông Mê Công vào mùa kiệt phụ thuộc vào lưu lượng điều tiết từ thượng nguồn, dòng chảy từ Biển Hồ Tonle Sap và thay đổi theo triều, cụ thể:

- Tại trạm Kratie: Tính đến ngày 16/01/2025, mực nước tại trạm Kratie hiện ở mức 7,87m. So sánh với số liệu trong quá khứ cho thấy, mực nước tại đây hiện cao hơn khoảng 0,04m so với TBNN; khoảng 0,33m so với mùa khô 2023-2024; khoảng 0,51m so với mùa khô 2021-2022; khoảng 0,56m so với mùa khô 2019-2020; khoảng 0,66m so với mùa khô 2015-2016; tuy nhiên, thấp hơn khoảng 0,09m so với mùa khô 2022-2023.

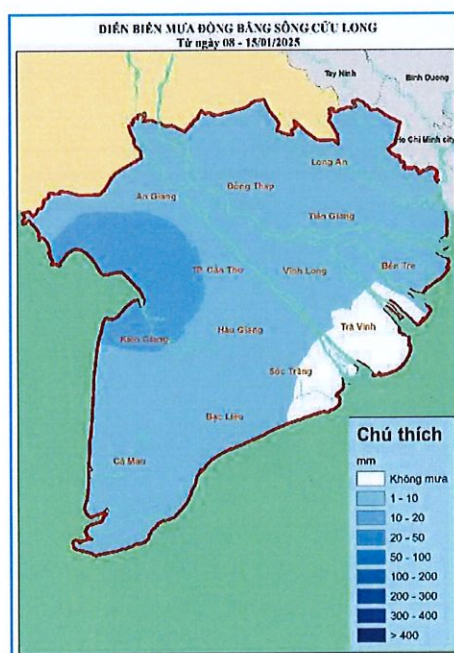
- Tại Biển Hồ: Hồ Tonle Sap hiện đang trong giai đoạn xả nước, dung tích hiện tại còn khoảng 8,25 tỷ m<sup>3</sup>. So sánh với số liệu trong quá khứ cho thấy, dung tích hiện tại cao hơn khoảng 4,99 tỷ m<sup>3</sup> so với mùa khô 2019-2020; khoảng 4,53 tỷ m<sup>3</sup> so với mùa khô 2015-2016, tuy nhiên thấp hơn khoảng 0,08 tỷ m<sup>3</sup> so với TBNN; khoảng 1,51 tỷ m<sup>3</sup> so với mùa khô 2023-2024; khoảng 4,76 tỷ m<sup>3</sup> so với mùa khô 2022-2023; khoảng 0,32 tỷ m<sup>3</sup> so với mùa khô 2021-2022.

- Tại Tân Châu và Châu Đốc: Mực nước tại trạm Tân Châu và Châu Đốc ngày 16/01/2025 đạt lần lượt là 1,71 m và 1,90 m. Dự báo xu thế mực nước lớn nhất đầu nguồn ĐBSCL sẽ giảm trong tuần dự báo.

## 2. DIỄN BIẾN NGUỒN NƯỚC TRÊN ĐỒNG BẰNG VÀ DỰ BÁO TIỀM NĂNG NGUỒN NƯỚC MÙA KHÔ

### 2.1. Diễn biến mưa trên đồng bằng

Trong tuần từ ngày 08-15/01/2025, vùng ĐBSCL có mưa xuất hiện rải rác một số nơi, vũ lượng trung bình 1-10mm, có nơi hơn 20mm (Hình 4). Dự báo tuần tới sẽ khó có khả năng xuất hiện mưa ở ĐBSCL.



Hình 4. Bản đồ lũy tích lượng mưa trên Đồng bằng (từ ngày 08-15/01/2025)

Theo dự báo cập nhật ENSO ngày 19/12/2024 của CPC, La Nina được dự báo bắt

đầu vào tháng 11-tháng 1 năm 2024 với 59% khả năng, dự báo La Niña duy trì trong quý 1 năm 2025, sau đó trở lại trạng thái ENSO trung tính (61% khả năng vào giai đoạn tháng 3-tháng 5). Ngược lại, các dự báo ENSO của IRI cho thấy sự tiếp tục của các điều kiện trung tính với ENSO trong giai đoạn dự báo.

## 2.2. Diễn biến và dự báo nguồn nước vùng đồng bằng sông Cửu Long trong tuần

Trong tuần từ 10/01/2025 - 16/01/2025 xả nước từ thủy điện Cảnh Hồng xuống hạ lưu dao động trong khoảng từ 674 m<sup>3</sup>/s đến 893 m<sup>3</sup>/s được xem là xả thấp hơn so với các tuần trước đó. Các hồ chứa trên lưu vực sông Mê Công thuộc Trung Quốc có dung tích điều tiết là 20,45 tỷ m<sup>3</sup>, tương đương với 86,0% tổng dung tích hữu ích. Các hồ chứa hạ lưu vực Mê Công có 74,9% tổng dung tích hữu ích. Tổng dung tích nước có thể điều tiết cho mùa kiệt năm 2024-2025 trên lưu vực sông Mê Công ở hiện tại vào khoảng 51,68 tỷ m<sup>3</sup>. Dự báo dòng chảy bình quân về ĐBSCL các tháng đầu mùa kiệt 2024-2025 tại Bảng 3.

Bảng 3: Lưu lượng thực đo và dự báo tại Kratie 2024-2025

Tháng	Qkratie (m <sup>3</sup> /s)	So với một số năm					
		TB (2013-2024)	2023-24	2022-23	2021-22	2019-20	2015-16
Th.12/2024	4.895	-507	-570	-476	-802	+1.429	+1.055
Dự báo Th.01/2025	3.926	-196	+57	-86	+466	+867	+794
Dự báo Th.02/2025	3.114	-242	-95	-470	-63	+728	+77

Dòng chảy về đồng bằng giảm nhanh làm mặn đã xuất hiện sớm trên các cửa sông, tháng 1 mặn đã vào sâu trên các cửa sông và sẽ đạt đỉnh trong giai đoạn tháng 2/2025 đến tháng 4/2025.

Trong tuần qua (từ 10-16/1/2025), do ảnh hưởng của mưa trái mùa rải rác nhiều nơi trên đồng bằng và nền nhiệt độ thấp, làm giảm nhu cầu nước cho sản xuất nông nghiệp trên đồng bằng và gia tăng dòng chảy đổ ra các cửa sông góp phần làm mặn xâm nhập thấp hơn so với dự báo (30-37km), tạo điều kiện thuận lợi cho việc lấy nước ở các vùng ven biển. Trong tuần này, mặn tiếp tục duy trì và có xu thế giảm đến cuối tuần dự báo, khi xuống thấp ranh mặn 4g/l phổ biến cách biển 25-35km. Dự báo nguồn nước trong tuần như sau:

- Vùng thượng ĐBSCL, bao gồm phần đất tỉnh An Giang, Đồng Tháp, thượng nguồn Long An, Kiên Giang và TP. Cần Thơ nguồn nước đảm bảo.
- Vùng giữa ĐBSCL, bao gồm phần đất thuộc TP. Cần Thơ, tỉnh Tiền Giang, Long An, Kiên Giang, Hậu Giang, Đồng Tháp, tỉnh Vĩnh Long và vùng được kiểm soát mặn ở Bạc Liêu, Sóc Trăng, Trà Vinh, Bến Tre. Trong tuần mặn giảm, ranh mặn 4g/l ảnh hưởng trên các cửa sông giảm dần và đạt thấp nhất ở khoảng 25-35km thuận lợi cho việc lấy nước.
- Vùng ven biển ĐBSCL: bao gồm ven biển các tỉnh ven biển ĐBSCL (Long An,

Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau và tỉnh Kiên Giang). Mặn đã ảnh hưởng đến các vùng ven biển, để hạn chế thiệt hại đợt mặn cao ở kỳ từ 28/1 – 03/2/2025, trùng với những ngày Tết nguyên đán, cần tranh thủ tích nước ngay khi có thể trong tuần này. Đồng thời, để đảm bảo sản xuất các tháng mùa khô cần tăng cường giám sát mặn, tranh thủ tích nước mỗi khi có thể, bơm gạn ngọt khi triều rút và cập nhật các bản tin dự báo thường xuyên.

**Trong tuần dự báo từ 17/01/2025 đến 23/01/2025, mặn giảm dần trên các cửa sông và xuống thấp nhất ở cuối tuần dự báo với khoảng cách 25-35km từ biển, vận hành hợp lý các công trình kiểm soát mặn, hạn chế tiêu thoát nước và sử dụng tiết kiệm nước, giám sát chặt chẽ chất lượng nước, tranh thủ lấy nước vào các hệ thống thủy lợi, đảm bảo an toàn cho phục vụ sản xuất.**

### **3. KHUYẾN NGHỊ SẢN XUẤT VÀ QUẢN LÝ NƯỚC MÙA KIẾT 2024-2025**

Nguồn nước về đồng bằng thuộc nhóm năm dưới trung bình nước, tần suất dòng chảy các tháng kiệt ở mức 60%-75%, phụ thuộc vào sự vận hành thủy điện trên lưu vực. Dự báo mặn xâm nhập mùa kiệt 2024-2025 ở mức cao hơn trung bình nhiều năm. Hiện nay tổng diện tích đã xuống giống vụ Đông Xuân tính đến 10/1/2025 là 1.400.716 ha, đạt 94% so với kế hoạch, tập trung chủ yếu ở Long An, Đồng Tháp, An Giang, Kiên Giang, Sóc Trăng, Cần Thơ, Hậu Giang, Tiền Giang, Vĩnh Long. Một số địa phương ven biển có diện tích chưa xuống giống tính đến ngày 10/1 từ 5.000 ha đến 17.000 ha như Tiền Giang, Long An, Sóc Trăng và Bạc Liêu. Chú ý, Tháng 1 và Tháng 2 mặn đã lên cao, vì vậy các địa phương ven biển, nên cân nhắc việc giãn sản xuất một số diện tích vụ Đông Xuân muộn hiện vẫn chưa xuống giống nếu không đảm bảo nguồn nước cấp để giảm rủi ro thiệt hại. Dự báo mưa có thể xuất hiện sớm hơn trung bình nhiều năm ở mùa khô 2025, việc sản xuất sớm vụ Hè Thu ở vùng ven biển có thể đem lại hiệu quả hơn cho sản xuất nông nghiệp trên toàn đồng bằng. Thêm vào đó, các địa phương cần chủ động các giải pháp ứng phó phòng chống hạn mặn phù hợp với điều kiện của vùng:

- Vùng thượng ĐBSCL: nguồn nước đủ, khó khăn chủ yếu ở vùng núi cao Tịnh Biên, Tri Tôn, cần thực hiện các biện pháp trữ nước và tưới tiết kiệm nước.
- Vùng giữa ĐBSCL: nguồn nước cơ bản đảm bảo, vận hành hợp lý các công trình kiểm soát mặn và tích nước, khi lấy ngọt hoặc tưới cho cây trồng cần kiểm tra chặt chẽ độ mặn, nhất là đối với cây ăn quả.
- Vùng ven biển ĐBSCL: xâm nhập mặn bất thường có thể làm ảnh hưởng đến nguồn nước và sản xuất ở các hệ thống thủy lợi ven biển như Gò Công, Bắc Bến Tre, vùng ven biển Trà Vinh và hệ thống Long Phú-Tiếp Nhật. Do vậy, xem xét giãn diện tích Đông xuân muộn, chuyển đổi sản xuất và chuẩn bị các phương án ứng phó và tích trữ và sử dụng nước hợp lý, đặc biệt là nước đảm bảo cho các vùng ăn Trái thuộc huyện Châu Thành, Chợ Lách, Mỏ Càyl Bắc – Nam thuộc tỉnh Bến Tre; huyện Kế Sách - tỉnh Sóc Trăng.

*Tích nước ở các thủy điện trên lưu vực Mê Công hiện cao hơn so với cùng thời*

kỳ ở các năm trước. Vận hành hợp lý các hồ này sẽ tạo thuận lợi cho sản xuất trên đồng bằng trong năm. Ngược lại, vận hành tích nước bất thường có thể gây ra các tác động bất lợi.

Theo dự báo của NOAA mưa có thể xuất hiện sớm trên lưu vực sông Mê Công từ cuối tháng 4 đến đầu tháng 5. Trong điều kiện nguồn nước trữ của các hồ thủy điện cao hơn so với các năm trước như hiện nay, tuy nhiên những tháng qua các hồ thủy điện vẫn xả nước rất hạn chế làm nguồn nước về thấp hơn trung bình, chính vì vậy nên xem xét khuyến nghị các nước thượng lưu Mê Công xả nước gia tăng góp phần giảm thiểu các thiệt hại không đáng có ở điều kiện khí hậu thủy văn như năm nay.

Các thông tin về nguồn nước sẽ liên tục được cập nhật hàng tuần giúp các địa phương chủ động tăng cường các biện pháp trữ nước khi cần để đảm bảo an toàn cho sản xuất.

#### 4. KẾT LUẬN - KIẾN NGHỊ

Dự báo nguồn nước về ĐBSCL mùa khô 2024-2025 thuộc nhóm năm có tần suất xuất hiện vào khoảng 60-75%, xâm nhập mặn ở mức cao hơn trung bình. Chủ động xuống giống sớm nhằm né thời kì mặn cao nhất ở giai đoạn cuối tháng 2 đến 4 (với ranh giới mặn 4g/l từ 45-60km từ cửa sông) và tích trữ nước hợp lý sẽ đảm bảo nguồn nước cho sản xuất đủ diện tích theo kế hoạch hàng năm của các địa phương. Tích nước bất thường có thể làm mặn vào sâu 50-65km.

Ngày 8/12/2024 Thủ tướng Chính phủ đã ra Công điện số 128/CD-TTg về việc chủ động phòng chống hạn hán thiếu nước và xâm nhập mặn, vì vậy các địa phương chủ động các giải pháp thích ứng với hạn hán và xâm nhập mặn trong năm, theo dõi cập nhật các bản tin để chủ động tích trữ nước phục vụ dân sinh và đảm bảo an toàn cho sản xuất.

VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI MIỀN NAM

VIỆN TRƯỞNG

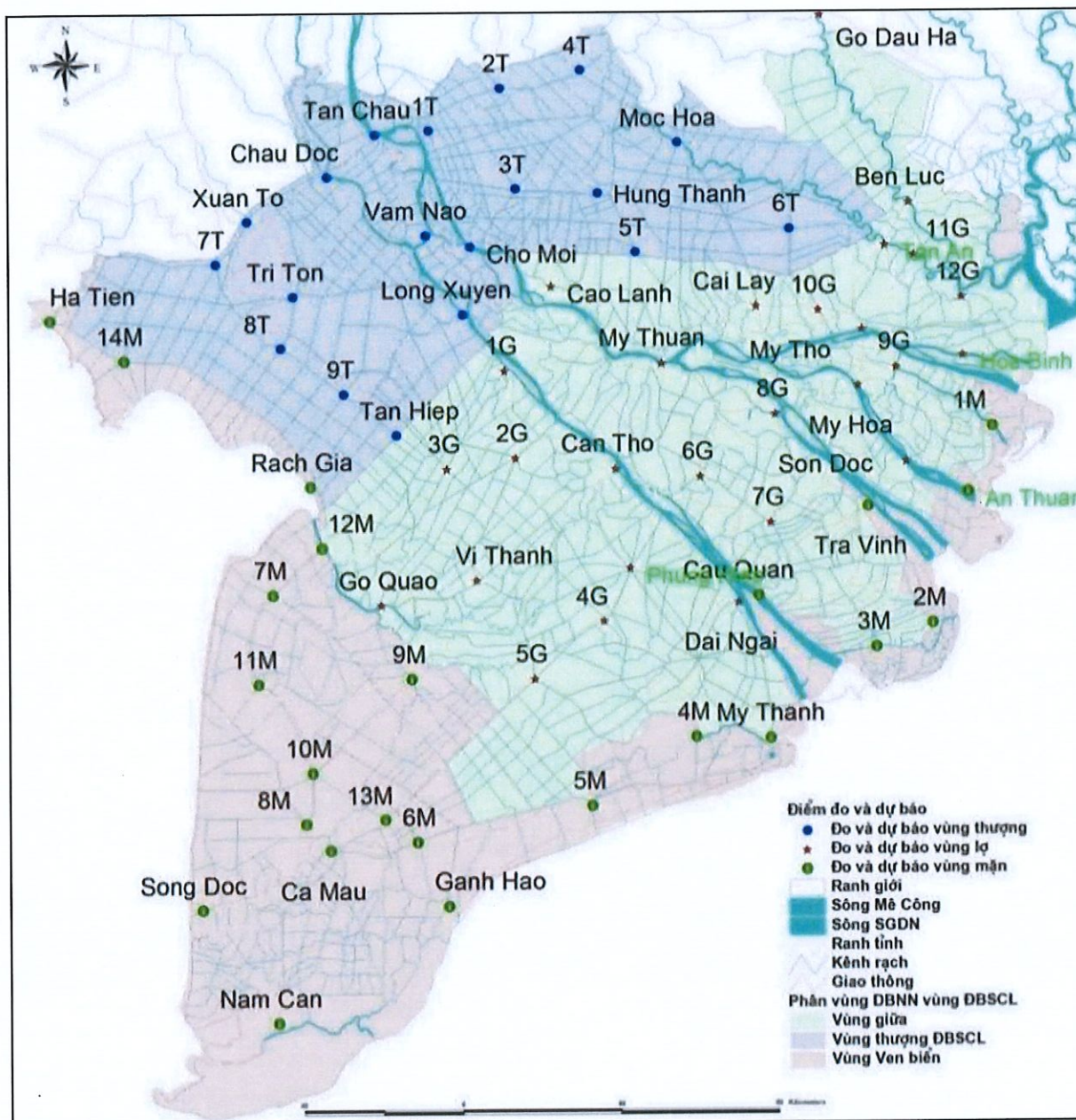


PHÓ VIỆN TRƯỞNG  
*Nguyễn Phú Quỳnh*

#### Ghi chú :

- Việc dự báo nguồn nước mùa khô đang được thực hiện tại Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam theo sự phân giao nhiệm vụ của Bộ. Bản tin dự báo sẽ được tiếp tục cập nhật các tuần kế tiếp và được đăng trên Website: <http://www.siwrr.org.vn>
- Ngoài ra để phục vụ kịp thời cho sản xuất, kính đề nghị các địa phương có các thông tin về tình hình xâm nhập mặn, nguồn nước, sản xuất hoặc có yêu cầu khác xin gửi về Viện theo email: [dbnn.dbscl19@gmail.com](mailto:dbnn.dbscl19@gmail.com)
- Khi cần liên hệ gấp, xin vui lòng gọi tới: 1) Ông Trần Minh Tuấn (di động: 0913 888 478); 2) Ông Tô Quang Toàn (di động: 0918 000 377)/.

Phụ lục 1: Sơ họa vị trí các điểm dự báo nguồn nước vùng đồng bằng Sông Cửu Long



Phụ lục 2: Cập nhật mực nước lớn nhất các vùng trên ĐBSCL

STT	Trạm	Ngày dự báo							
		16/01	17/01	18/01	19/01	20/01	21/01	22/01	23/01
<b>I. Vùng Thượng đồng bằng</b>									
1	1T	1,53	1,50	1,43	1,40	1,37	1,33	1,28	1,27
2	2T	1,17	1,15	1,11	1,06	1,00	0,94	0,88	0,82
3	3T	1,31	1,28	1,23	1,17	1,11	1,06	1,01	0,98
4	4T	0,85	0,84	0,82	0,79	0,75	0,70	0,65	0,59
5	5T	1,19	1,17	1,14	1,10	1,06	1,02	0,97	0,94
6	6T	0,86	0,84	0,81	0,76	0,73	0,70	0,68	0,65
7	7T	0,38	0,38	0,36	0,35	0,32	0,28	0,24	0,22
8	8T	0,50	0,50	0,48	0,45	0,41	0,37	0,33	0,32
9	9T	0,52	0,51	0,49	0,46	0,42	0,37	0,34	0,33

STT	Trạm	Ngày dự báo							
		16/01	17/01	18/01	19/01	20/01	21/01	22/01	23/01
10	Châu Đốc	1,90	1,77	1,72	1,69	1,67	1,62	1,60	1,58
11	Chợ Mới	1,66	1,61	1,53	1,47	1,43	1,39	1,36	1,34
12	Hưng Thạnh	0,96	0,94	0,91	0,87	0,82	0,77	0,72	0,68
13	Long Xuyên	1,70	1,66	1,57	1,43	1,42	1,38	1,33	1,32
14	Mộc hóa	0,84	0,82	0,80	0,76	0,73	0,69	0,64	0,60
15	Tân Châu	1,71	1,62	1,56	1,54	1,50	1,46	1,42	1,40
16	Tân Hiệp	0,68	0,67	0,65	0,62	0,57	0,53	0,51	0,51
17	Tri Tôn	0,64	0,63	0,62	0,59	0,54	0,49	0,46	0,45
18	Vàm Nao	1,76	1,72	1,62	1,57	1,55	1,50	1,47	1,46
19	Xuân Tô	0,74	0,73	0,70	0,66	0,61	0,57	0,54	0,53
<b>II. Vùng Giữa đồng bằng</b>									
1	1G	1,78	1,72	1,65	1,52	1,44	1,43	1,40	1,39
2	2G	1,01	0,99	0,96	0,92	0,87	0,85	0,84	0,84
3	3G	0,66	0,65	0,63	0,60	0,56	0,50	0,51	0,52
4	4G	1,32	1,29	1,23	1,14	1,03	1,02	1,01	1,04
5	5G	0,86	0,85	0,83	0,80	0,77	0,71	0,69	0,70
6	6G	1,56	1,52	1,41	1,29	1,25	1,21	1,17	1,18
7	7G	1,30	1,26	1,23	1,17	1,12	1,04	1,11	1,21
8	8G	1,53	1,48	1,39	1,34	1,31	1,26	1,22	1,22
9	9G	1,71	1,65	1,56	1,41	1,33	1,33	1,35	1,41
10	10G	1,17	1,13	1,06	0,98	0,95	0,91	0,89	0,89
11	11G	1,17	1,13	1,06	1,02	0,99	0,94	0,90	0,89
12	12G	1,36	1,31	1,29	1,22	1,19	1,13	1,06	1,03
13	Bến Lức	1,62	1,58	1,49	1,35	1,31	1,28	1,28	1,32
14	Cai Lậy	1,34	1,32	1,25	1,18	1,15	1,11	1,10	1,09
15	Cần Thơ	1,71	1,63	1,52	1,39	1,36	1,31	1,28	1,31
16	Cao Lãnh	1,68	1,64	1,56	1,48	1,45	1,39	1,37	1,35
17	Đại Ngãi	1,98	1,90	1,85	1,78	1,71	1,62	1,57	1,56
18	Gò Dầu Hạ	1,07	1,02	0,92	0,79	0,77	0,75	0,74	0,76
19	Gò Quao	0,79	0,77	0,75	0,72	0,67	0,61	0,63	0,65
20	Hòa Bình	1,39	1,35	1,31	1,25	1,21	1,16	1,08	1,05
21	Mỹ Hoà	1,63	1,59	1,51	1,47	1,42	1,39	1,34	1,32
22	Mỹ Tho	1,62	1,56	1,51	1,49	1,40	1,36	1,30	1,24
23	Mỹ Thuận	1,69	1,55	1,44	1,36	1,33	1,28	1,24	1,24
24	Phụng Hiệp	1,49	1,45	1,35	1,21	1,18	1,14	1,11	1,14
25	Sơn Đốc	1,62	1,57	1,51	1,46	1,39	1,34	1,27	1,24
26	Tân An	1,60	1,56	1,50	1,45	1,42	1,37	1,32	1,31
27	Vị Thanh	0,85	0,83	0,79	0,73	0,67	0,60	0,62	0,64
<b>III. Vùng ven biển</b>									
1	1M	1,53	1,47	1,44	1,37	1,34	1,28	1,23	1,18
2	2M	1,68	1,63	1,52	1,50	1,42	1,36	1,31	1,27
3	3M	1,76	1,70	1,61	1,56	1,46	1,41	1,35	1,32
4	4M	1,78	1,70	1,58	1,55	1,46	1,38	1,35	1,33

STT	Trạm	Ngày dự báo							
		16/01	17/01	18/01	19/01	20/01	21/01	22/01	23/01
5	5M	1,86	1,83	1,70	1,60	1,57	1,52	1,46	1,47
6	6M	1,67	1,59	1,43	1,28	1,17	1,15	1,16	1,24
7	7M	0,61	0,58	0,55	0,49	0,42	0,35	0,37	0,39
8	8M	0,89	0,87	0,84	0,80	0,75	0,72	0,71	0,72
9	9M	0,82	0,80	0,79	0,76	0,72	0,67	0,69	0,71
10	10M	0,74	0,72	0,69	0,65	0,62	0,58	0,57	0,58
11	11M	0,71	0,69	0,66	0,62	0,57	0,53	0,52	0,53
12	12M	0,86	0,80	0,69	0,57	0,43	0,38	0,45	0,49
13	13M	0,80	0,79	0,78	0,76	0,74	0,70	0,70	0,70
14	14M	0,41	0,40	0,39	0,36	0,32	0,28	0,26	0,25
15	An Thuận	1,61	1,56	1,49	1,42	1,38	1,30	1,26	1,23
16	Cà Mau	1,21	1,15	1,09	0,99	0,88	0,84	0,86	0,89
17	Cầu Quan	1,89	1,82	1,71	1,66	1,58	1,52	1,49	1,48
18	Gành Hào	2,20	2,13	2,00	1,83	1,81	1,78	1,73	1,74
19	Hà Tiên	0,48	0,47	0,43	0,38	0,32	0,27	0,25	0,25
20	Mỹ Thanh	1,74	1,67	1,57	1,51	1,42	1,37	1,31	1,28
21	Năm Căn	1,85	1,76	1,66	1,48	1,42	1,42	1,41	1,40
22	Rạch Giá	0,48	0,47	0,43	0,38	0,32	0,27	0,25	0,25
23	Sông Đốc	1,08	1,03	0,98	0,88	0,79	0,80	0,84	0,87
24	Trà Vinh	1,63	1,56	1,50	1,44	1,40	1,34	1,27	1,25

**Ghi chú:**

	Tương đương ngày đầu tuần dự báo
	Cao hơn ngày đầu tuần dự báo
	Thấp hơn ngày đầu tuần dự báo

**Phụ lục 3: Dự báo độ mặn lớn nhất trong tuần một số trạm cửa sông chính trên ĐBSCL**

STT	Trạm	Ngày dự báo mặn							
		16/01	17/01	18/01	19/01	20/01	21/01	22/01	23/01
1	Vàm Giồng	4,8	↓	↓	↓	↓	↓	3,9	—
2	Trà Vinh	4,5	↓	↓	↓	↓	↓	2,7	—
3	Mỹ Hóa	2,3	↓	↓	↓	↓	↓	1,1	—
4	Cầu Quan	5,2	↓	↓	↓	↓	↓	3,9	—
5	Gò Quao	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	1,0	↑	1,8
6	Đại Ngãi	4,0	↓	↓	↓	↓	↓	3,1	—

**Ghi chú:**

- ↑ Mặn đang xu thế tăng
- ↑ a ↓ Mặn tăng và đạt đỉnh 'a' trước khi giảm ở các ngày sau
- ↓ Mặn đang xu thế giảm
- ↓ b ↑ Mặn giảm và đạt chân 'b' trước khi tăng trở lại ở các ngày sau
- Mặn ít biến động so với ngày trước đó